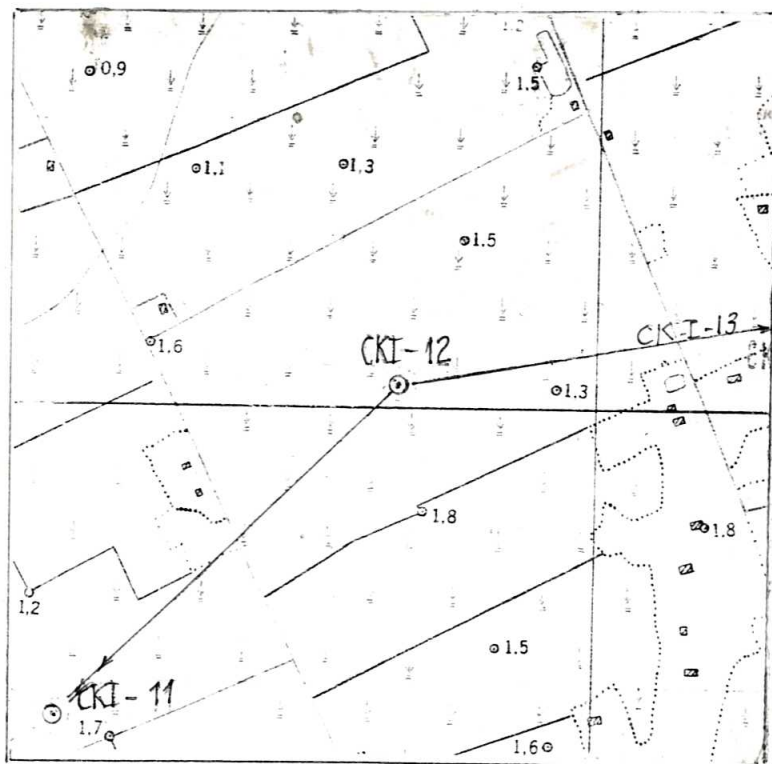


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: _____ Số hiệu: CKI.12 Mảnh bản đồ: C-48-81A-C-5
 Phương pháp đo: Đường Chuyền Cấp, hạng: ĐCI
 Trị giá khái lược _____ Độ cao: 1.5 Kinh độ: 106° 03' 3
 _____ _____ Vĩ độ: 9 51' 3
 Loại đất: Tu Chất đất: thịt
 Nơi đặt mốc: Thôn (Ấp): Sóc Hương Xã (thị trấn, phường): Hoà Tân
 Huyện (Quận): Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Tha Vinh
 Nơi ở gần nhất: Ấp: Sóc Hương Khoảng cách tới điểm: 700m km
 Người chọn: Phạm Văn Khoa Đơn vị chọn: XNTĐ 203, Công ty đo đạc địa chính & Công trình
 Ngày 02 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1/ 40.000

Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKI-13
CKI-11

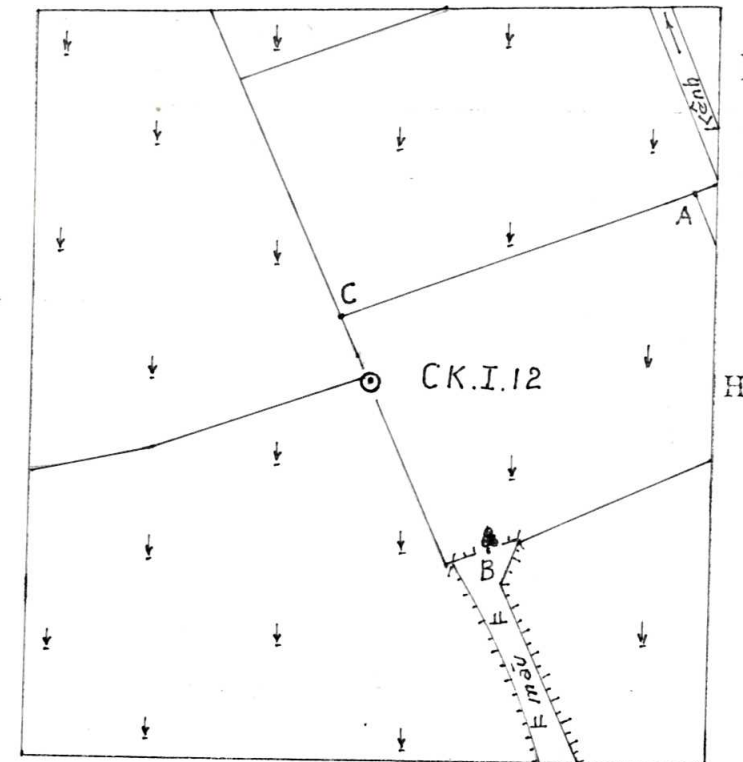
Họ, tên, địa chỉ người dẫn đường:

Thạch Thị Xa Ron
Ấp: Sóc Hương
Xã: Hoà Tân
Huyện: Cầu Kê
Tỉnh: Tha Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy nỏ	<u>1 632</u>	<u>1 633</u>	<u>1 632</u>	
Trung tâm mốc dưới	<u>1 130</u>	<u>1 131</u>	<u>1 130</u>	<u>502</u>
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất	<u>0 825</u>	<u>0 825</u>	<u>0 825</u>	<u>315</u>
Mặt tường vẩy hoặc mặt đất sau khi đắp	<u>0 562</u>	<u>0 562</u>	<u>0 562</u>	<u>363</u>

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/ 1000

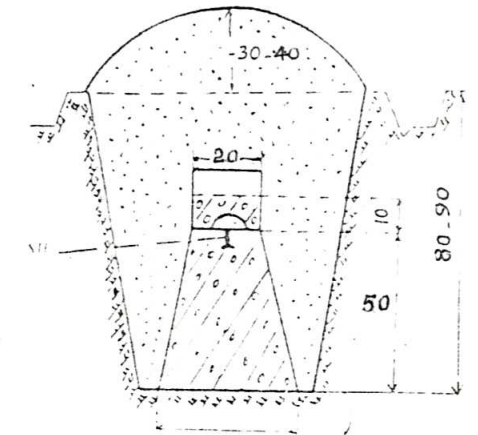
Đơn vị chôn mốc, làm tường vẩy: Xí nghiệp trắc địa 203

Người chôn mốc, làm tường vẩy: Nguyễn Đức Thuận

Loại mốc: chôn 1 tầng

Ngày 06 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vẩy (đơn vị cm)



V.c	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	<u>Tâm ngõ 3 bờ Hương</u>	<u>Đông Bắc</u> <u>49.60</u>
B	<u>Cây dầu dái</u>	<u>Đông Nam</u> <u>27 20</u>
C	<u>Tâm ngõ 3 bờ Hương</u>	<u>Bắc Tây Bắc</u> <u>9 20</u>

Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: _____ Số hiệu: _____ Cấp, hạng: _____

Điểm này đo nổi độ cao bằng: _____ Cấp, hạng: _____

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM): _____

Từ thị trấn Huyện Cầu Kê, đi theo đường đèo qua Ấp Chông Nô 1, khoảng 700m
tới rẽ theo bờ Kênh đi Ấp Sóc Hương, khoảng 1.3 km, tới hướng Tây hơi đến
Hướng Thạch Thị Xa Ron, tới điểm đo 400m
 Cơ quan gia cố mốc, tường vẩy, lập ghi chú điểm:

Ngày 06 tháng 3 năm 2000

Ngày 20 tháng 3 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Phạm Văn Khoa

Hà Văn Hy

HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III, cơ sở, IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đảm nét để đảm bảo khi photocopy được ban rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng về vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyên ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khái lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gần trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gần trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá ...) - tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hè phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi ở gần nhất: Là tên thôn (bản, làng) hoặc nhà ở (nếu điểm để ở trong khu dân cư) gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi ở gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình (hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực) tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm, lấy cơ sở cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác ▲, điểm địa chính I, bằng ký hiệu vòng tròn ○. Cảnh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đặc. Số hiệu điểm ghi vào chỗ thuận tiện. Độ cao của chữ, số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đó (nếu điểm ở trong khung) hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Số hiệu đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Số hiệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gần trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9)cm và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chạm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gần trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gần trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bề thiên văn (nếu trùng vào bề thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tận dụng mốc cũ, giá cố, chôn trùng mốc: Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này sẽ nối đồ vào bằng: Công nghệ GPS, đo các hình ảnh, đo các vùng đặc ... Cấp, hạng: Chỉ ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV ...

20. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phỏng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ mục việc không làm (tính từ mục 18).

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ họ, tên, không là tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Học Tâm

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : _____

SỐ HIỆU : CKI-12

CẤP, HẠNG : ĐCI

NĂM 2000